

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Đợt: 1

Năm: 2022

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số: ...85/2022 QĐ-BKSG ngày 31 tháng 05 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn).

NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

STT	MSSV	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
1	1193240146	Nguyễn Thị Ngọc	Tho	04/10/2001	Nữ	Tây Ninh	7.9	3.15	Khá	
2	1193240135	Đoàn Thị	Vân	28/04/1990	Nữ	Quảng Bình	7.4	2.97	Khá	
3	1193240156	Nguyễn Thị Ngọc	Đẹp	25/02/2001	Nữ	Tây Ninh	8.2	3.30	Giỏi	
4	1193240036	Trần Thị Cẩm	Nhung	12/05/1999	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.4	2.94	Khá	
5	1193240104	Nguyễn Thị	Diệp	01/03/2001	Nữ	Hà Giang	8.0	3.22	Giỏi	
6	1193240099	Trần Thị Tuyết	Hồng	12/02/1994	Nữ	Long An	8.5	3.39	Giỏi	
7	1193240113	Hà Mộng	Nhi	06/07/1997	Nữ	Long An	7.8	3.11	Khá	
8	1193240152	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	06/07/1998	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.3	3.34	Giỏi	
9	1193240110	Đặng Phương Hoàng	Nhung	12/09/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.3	3.34	Giỏi	
10	1193240078	Nguyễn Thanh	Sang	14/01/1994	Nam	Vĩnh Long	6.7	2.67	Khá	
11	1193240047	Hứa Thạch	Thào	23/06/1998	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	2.99	Khá	
12	1193240028	Dương Quốc	Tiến	24/12/1994	Nam	Tây Ninh	7.1	2.84	Khá	
13	1193240112	Huỳnh Thị Diễm	Trình	14/10/1998	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.2	3.28	Giỏi	
14	1193240069	Võ Minh	Trọng	15/05/1998	Nam	Tiền Giang	8.1	3.24	Giỏi	
15	1193240147	Nguyễn Thị Phương	Trúc	25/10/1999	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	6.9	2.78	Khá	
16	2193240070	Nguyễn Đặng Hoàng	Anh	22/07/2000	Nữ	Đồng Nai	7.1	2.84	Khá	
17	2193240304	Lê Thị	Ánh	11/04/2000	Nữ	Thanh Hóa	7.8	3.13	Khá	
18	2193240133	Đinh Anh	Quốc	14/05/2000	Nam	Tây Ninh	7.6	3.05	Khá	
19	2193240302	Nguyễn Thị	Thúy	10/05/1988	Nữ	Quảng Bình	8.1	3.24	Giỏi	
20	2193240315	Yu Trần Phương	Uyên	16/09/1998	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.6	3.42	Giỏi	
21	2193180039	Đào Thị Thúy	Hằng	22/12/1993	Nữ	Bình Định	8.3	3.30	Giỏi	
22	2193240266	Trần Thị Trúc	Linh	20/03/1997	Nữ	Đắk Lắk	8.3	3.32	Giỏi	
23	2193240197	Nguyễn Thị Ngọc	Thức	11/09/1987	Nữ	Vĩnh Long	8.5	3.41	Giỏi	
24	2193240196	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	03/06/1980	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.4	3.37	Giỏi	
25	2193180019	Phạm Thị Xuân	Thùy	01/10/1985	Nữ	Bình Định	6.6	2.62	Khá	
26	2193240235	Thạch Thị Hương	Trâm	07/06/1996	Nữ	Trà Vinh	8.5	3.41	Giỏi	

STT	MSSV	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
27	2193240276	Trần Thị Ngọc	Viên	18/02/1994	Nữ	Quảng Ngãi	7.6	3.02	Khá	
28	2193240301	Bùi Thị Tường	Vy	26/12/1997	Nữ	Vĩnh Long	8.0	3.18	Khá	
29	2203180029	Nguyễn Thị	Hương	05/12/1995	Nữ	Phú Yên	8.2	3.29	Giỏi	
30	1203180009	Đinh Đỗ	Duy	05/11/1985	Nam	Đồng Nai	8.6	3.43	Giỏi	
31	1203240003	Phùng Thị Ánh	Linh	03/12/2001	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.0	3.18	Khá	
32	1203180032	Nguyễn Phương	Linh	07/11/1989	Nữ	Long An	8.7	3.48	Giỏi	
33	1203240007	Tạ Lâm Minh	Mẫn	05/07/2000	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.2	2.86	Khá	
34	1203240018	Trần Thị	Ngân	25/04/2000	Nữ	Huế	8.1	3.25	Giỏi	
35	1203240016	Trương Hoài	Ngọc	17/06/2001	Nữ	Sóc Trăng	8.5	3.39	Giỏi	
36	1203240009	Huỳnh Thanh	Nhã	21/03/2001	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	2.61	Khá	
37	1203240012	Nguyễn Huy	Phát	26/05/1999	Nam	An Giang	8.4	3.37	Giỏi	
38	1203240001	Huỳnh Nhật	Quang	18/10/1996	Nam	Long An	8.2	3.29	Giỏi	
39	1203240013	Phạm Thị Bích	Thảo	16/07/1994	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.7	3.09	Khá	
40	1203240014	Đinh Thị	Thềm	03/11/1997	Nữ	Bình Phước	7.4	2.95	Khá	
41	1203240002	Trương Thị Ánh	Tuyết	17/08/1989	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.8	3.11	Khá	
42	2203240016	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	04/07/1996	Nữ	Hà Nội	8.0	3.21	Giỏi	
43	1203180020	Lê Hải	Yến	27/10/1991	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	6.8	2.71	Khá	
44	2203240005	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/01/2001	Nữ	Bình Phước	7.8	3.11	Khá	
45	2203240134	Nguyễn Thị	Hiên	14/01/1994	Nữ	Đắk Lắk	8.2	3.29	Giỏi	
46	2203240142	Dương Hoàng Thùy	Ngân	18/12/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.9	3.56	Giỏi	
47	2203240002	Phạm Minh	Ngọc	31/01/1991	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8.8	3.53	Giỏi	
48	2203240162	Phan Thị Huỳnh	Như	29/08/1995	Nữ	Đồng Tháp	7.9	3.14	Khá	
49	2203180103	Trần Thùy	Vương	26/02/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	2.99	Khá	
50	2203240053	Trần Ngọc Thanh	Duyên	09/04/2000	Nữ	Lâm Đồng	8.3	3.32	Giỏi	
51	2203180068	Nguyễn Thị Bé	Hân	03/08/1993	Nữ	Bình Định	8.4	3.36	Giỏi	
52	2203240304	Huỳnh Thị	Lan	16/04/1997	Nữ	Tiền Giang	7.6	3.03	Khá	
53	2203180074	Vũ Thị	Nho	08/11/1990	Nữ	Lâm Đồng	8.8	3.50	Giỏi	
54	2203240089	Nguyễn Ngọc	Thảo	28/06/1994	Nữ	Cà Mau	8.1	3.22	Giỏi	
55	2203240082	Nguyễn Minh	Thi	01/10/1992	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.8	3.14	Khá	

STT	MSSV	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
56	2203240068	Nguyễn Thị Diễm	Thu	16/12/1999	Nữ	Đồng Tháp	8.2	3.30	Giỏi	
57	1833620107	Nguyễn Hoàng Khánh	An	04/02/2003	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.4	2.94	Khá	
58	1833620022	Nguyễn Phương	Thảo	08/08/1997	Nữ	Hải Phòng	6.5	2.62	Khá	
59	1832410252	Lê Hồng	Thắm	10/02/1993	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.3	2.90	Khá	
60	1832410251	Hồ Thị Kiều	Khanh	26/12/2000	Nữ	Tây Ninh	6.7	2.70	Khá	
61	1833610230	Danh Kim	Nhi	21/08/1999	Nữ	Kiên Giang	7.1	2.83	Khá	
62	1832410055	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	26/10/1977	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7.4	2.97	Khá	
63	1832410395	Lê Phương	Trúc	03/04/1997	Nữ	Cà Mau	7.7	3.07	Khá	
64	117021601	Nguyễn Châu	Thương	10/09/1995	Nữ	Tây Ninh	7.2	2.86	Khá	

TP. HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nguyên Ngọc



Lê Nguyễn Hoàng Dung



Trần Văn Khoa



Vũ Thị Ngọc Hà



